

Bản án số: 462/2022/DS-PT

Ngày: 10/8/2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng thi công
xây dựng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Anh Minh

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Bà Nguyễn Thị Lan Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Lương, Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ
Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 198/2022/TLPT-DS
ngày 07 tháng 7 năm 2022 về việc "Tranh chấp tranh chấp hợp đồng thi
công xây dựng";

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 1675/2022/DS-ST ngày 17/5/2022 của
Toà án nhân dân Thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3856/2022/QĐ-PT
ngày 15/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10048/2022/QĐ-PT ngày
28/7/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1984

Thường trú: Tổ 40, ấp A1, xã G, huyện D, tỉnh N.

Cư trú: 95/3G, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Duy H, sinh năm: 1987;
Thường trú: huyện T1, tỉnh N- (Theo văn bản ủy quyền ngày 22/10/2021).

(Ông H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Bị đơn:

1. Bà Huỳnh Kim P, sinh năm: 1961 (Có mặt)

2. Ông Lê Minh H1, sinh năm: 1963 (Có mặt)

Cùng thường trú: 01 Đường X, Khu phố K, phường C, Thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng cư trú: 23 Đường E, Khu phố K, phường C, Thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Đình P1, sinh năm: 1972

Địa chỉ: 32/4 Đường V, Phường B1, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

2. Ông Châu Thành A, sinh năm: 1976

Địa chỉ: 42 Đường S, phường T1, Thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn Bà Huỳnh Kim P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn Ông Phan Trọng H3trình bày:

Vào tháng 12/2019 Ông Nguyễn Văn L và Bà Huỳnh Kim P, Ông Lê Minh H1 có thỏa thuận miệng sẽ thực hiện thi công công trình nhà ở của ông H1 bà P tọa lạc tại số: 01 Đường X, Khu phố K, phường C, Thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi hai bên thống nhất việc thi công công trình ông L về làm bản báo giá ngày 14/12/2019 và giao ông H1 bà P, sau khi ông H1 bà P đồng ý nên bà P ký tên đồng ý chấp nhận bản báo giá mà ông L đưa ra với số tiền là 107.085.000 đồng (bản báo giá chỉ một mình bà P ký tên ông H1 không có ký tên). Sau khi được sự đồng ý của chủ nhà ông L thực hiện công việc vào ngày 16/12/2019. Do tin tưởng hai bên chỉ thực hiện những công việc đã thỏa thuận, không có lập hợp đồng và cũng không có bản thiết kế xây dựng chi tiết, lúc đầu chỉ yêu cầu ông L tháo dỡ thang máy cũ yêu cầu ông L thực hiện theo bản vẽ mặt bằng do ông Phước (kiến trúc sư của bà P giao cho ông L), khi đó ông L phát hiện bản vẽ mặt bằng ông Phước đưa lớn hơn diện tích hiện tại nên ông L có báo lại cho bà P, sau đó ông A là người ký hợp đồng cung cấp thang máy cho bà P cùng với ông L và ông H1 bàn bạc và thống nhất làm lại thang máy mới theo bản vẽ do ông A điều chỉnh kích thước trên bản vẽ thang máy giao lại cho ông L để thực hiện (bản vẽ này ông L giữ và đã bỏ túi trong hồ sơ). Trong quá trình thực hiện công trình có phát sinh thêm nhiều công việc nên ông L đã làm lại bảng

báo giá vào ngày 05/02/2020 với số tiền 369.145.000 đ (Ba trăm sáu mươi chín triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) nhưng sau đó hai bên thỏa thuận thống nhất số tiền chỉ còn là 365.000.000đ (Ba trăm sáu mươi lăm triệu đồng), bản báo giá này được bà P xác nhận ký tên, ông L đã nhận 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

Sau tết ông L vẫn tiếp tục thực hiện công trình đến ngày 07/02/2020 ông H1, bà P yêu cầu tạm ngưng công trình chờ giấy phép bổ sung sau đó sẽ tiếp tục làm lại, việc tạm ngưng có lập văn bản vào ngày 08/02/2020 chỉ có một mình bà P ký tên do ông H1 đi làm không có ở nhà. Sau khi ký văn bản tạm ngưng thì công công trình hai bên có chốt lại số tiền và công việc ông L đã thực hiện, cụ thể bà P cam kết sẽ giao qua cho ông L 47.000.000đ trong ngày 03 ngày kể từ ngày ký văn bản tạm ngưng 08/02/2020. Đã nhiều lần hứa hẹn trả ông L số tiền trên nhưng bà P không thực hiện việc trả tiền cho ông L, đến ngày 20/4/2020 bà P yêu cầu ông L đến bắt ông L trừ khối lượng để khấu trừ số tiền phải trả và bảo ông L làm sai kết cấu thang máy nên không trả số tiền trên cho ông L. Sau nhiều lần yêu cầu bà P thanh toán số tiền còn lại nhưng bà P không đồng ý và không yêu cầu ông L quay trở lại làm việc nên ông L có đơn khởi kiện, cụ thể trong đơn khởi kiện ông L yêu cầu:

- Yêu cầu Ông Lê Minh H1, Bà Huỳnh Kim P trả cho Ông Nguyễn Văn L tiền thi công còn nợ là 47.000.000 đ (Bốn mươi bảy triệu đồng).

- Tiền công ông L phải trả cho người tới lui trông coi công trình kể từ ngày 08/02/2020 đến ngày 10/3/2020 là 01 tháng x 7.000.000 đ = 7.000.000 đ (Bảy triệu đồng).

- Tiền lương phải trả cho 02 người thợ chờ việc từ ngày 08/02/2020 đến ngày 24/02/2020 (trừ chủ nhật) là 13 ngày là $13 \times 2 \times 250.000 \text{ đ} = 6.500.000 \text{ đ}$ (Sáu triệu năm trăm ngàn đồng).

- Cát còn lại là 1m^3 , $1 \times 350.000 \text{ đ} = 350.000 \text{ đ}$ (Ba trăm năm mươi ngàn đồng).

- Đá $\frac{1}{2}$ còn 1m^3 , $1 \times 450.000 \text{ đ} = 450.000 \text{ đ}$ (Bốn trăm năm mươi ngàn đồng).

- Xi măng còn 04 bao, $4 \times 90.000 \text{ đ} = 360.000 \text{ đ}$ (Ba trăm sáu mươi ngàn đồng).

- Gạch ống, gạch đĩnh còn 1.600 viên, $1.600 \text{ viên} \times 1.000 \text{ đ} = 1.600.000 \text{ đ}$ (Một triệu sáu trăm ngàn đồng).

Tổng số tiền Ông Nguyễn Văn L yêu cầu Ông Lê Minh H1, Bà Huỳnh Kim P trả cho Ông Nguyễn Văn L là 63.260.000 đ (Sáu mươi ba triệu hai

trăm sáu mươi ngàn đồng). Tuy nhiên vào ngày 23/11/2021 ông L có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể nay ông L chỉ yêu cầu ông H1, bà P trả cho ông L số tiền 47.000.000 đ (Bốn mươi bảy triệu đồng) mà bà P đã ký xác nhận tại văn bản tạm ngưng thi công công trình ngày 08/02/2020. Tất cả các yêu cầu còn lại ông L rút lại và tự nguyện không yêu cầu.

Trong văn bản tạm ngưng thi công công trình ngày 08/02/2020 ông L đồng ý cho bà P ứng trước số tiền 25.000.000 đ (Hai mươi lăm triệu đồng) nhưng bà P vẫn chưa ứng 25.000.000 đ cho ông L nên số tiền vẫn còn nợ là 47.000.000 đ (Bốn mươi bảy triệu đồng). Số tiền trên ông L yêu cầu ông H1, bà P trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành.

Theo bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và quá trình tranh tụng tại tòa, Bà Huỳnh Kim P là bị đơn trình bày: Bà là vợ của Ông Lê Minh H1, bà xác định vào cuối năm 2019 bà có thỏa thuận miệng với ông L về việc sửa chữa thi công công trình nhà ở của bà tại số 01 Đường X, Khu phố K, phường C, Thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh, đúng như lời trình bày của ông L, sau khi bàn bạc hai bên thống nhất việc sửa chữa, ông L có giao cho bà một bản báo giá ngày 14/12/2019 để thực hiện, hai bên chỉ thực hiện theo bản báo giá không có làm hợp đồng, trong quá trình thực hiện thi công, có phát sinh một số việc không đúng như bản vẽ của cầu thang, nên sau này ông L không tiếp tục thực hiện. Nguyên nhân tạm ngưng công trình là do bà có đơn xin chỉnh sửa lại giấy phép xây dựng, khi tạm ngưng công trình ông L có chốt lại khối lượng và công việc đã thực hiện với số tiền là 247.000.000đ (Hai trăm bốn mươi bảy triệu đồng), bà đã ứng cho ông L 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) nên còn lại 47.000.000đ (Bốn mươi bảy triệu đồng), bà có cam kết sẽ giao lại cho ông L số tiền còn lại 47.000.000đ (Bốn mươi bảy triệu đồng) trong 03 (ba) ngày kể từ ngày ký giấy tạm ngưng công trình. Nguyên nhân bà chưa giao số tiền 47.000.000đ (Bốn mươi bảy triệu đồng) cho ông L là do bà phát hiện kỹ thuật của thang máy không đúng theo bản vẽ và không được nghiệm thu nên bà yêu cầu ông L sửa chữa lại, nhưng ông L không đồng ý sửa chữa mà yêu cầu bà phải trả số tiền 47.000.000 đ (Bốn mươi bảy triệu đồng) và tuyên bố sẽ không quay lại công trình để tiếp tục thi công. Bà xác nhận theo văn bản tạm ngưng thi công công trình ngày 08/02/2020 mà bà đã ký, đúng là chữ viết và chữ ký của bà, tuy nhiên bà không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của ông L, lý do Thang máy do ông L làm không đúng như trong bản thiết kế, đối với thang máy chỉ làm 03 nhịp còn 01 nhịp chưa làm, đối với thang bộ cũng chỉ làm 03 nhịp còn 01 nhịp chưa làm và đến nay vẫn chưa nghiệm thu được. Việc thang máy ông L làm sai theo bản thiết kế được ông L thừa nhận tại Tòa án. Thời gian qua bà đã thuê người khác đến sửa chữa khắc

phục lại thang máy để sử dụng nhưng người ký hợp đồng mới không chấp nhận sửa chữa khắc phục buộc bà phải làm mới lại như hiện nay nên không còn như hiện trạng ban đầu lúc ông L chưa hoàn thiện, do đó không thể xem xét thẩm định được.

Với những lý do trên nên bà không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của ông L. Bà xác định ông H1 đã được bà thông báo lại việc Tòa án mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H1 không liên quan gì với việc thỏa thuận giữa bà và ông L nên ông H1 không đến tòa. Bà xác định việc này không liên quan gì đến ông H1, bà sẽ tự chịu trách nhiệm giải quyết với ông L.

Theo bản tự khai của Ông Châu Thành A là người làm chứng có nội dung: Vào ngày 19/12/2019 Công ty của ông có ký hợp đồng lắp đặt thang máy gia đình, đại diện chủ đầu tư là Bà Huỳnh Kim P, địa chỉ công trình số 1 Đường X, phường C, Thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. Vào thời điểm đó có đơn vị thi công phần xây dựng bê tông cốt thép hồ thang máy, đại diện là Ông Nguyễn Văn L, chịu trách nhiệm thực hiện thi công hồ thang máy bằng bê tông cốt thép theo bản vẽ bên thang máy cung cấp, nhưng khi kiểm tra nghiệm thu hồ thang máy thì đơn vị thi công xây dựng hồ thang máy làm không đúng theo bản vẽ (thực tế là không đổ bê tông cốt thép đà trung gian nằm giữa các sàn nhà). Vì không có đà trung gian nên bên thang máy nhận thấy không đủ độ an toàn để lắp đặt thang máy và trình bày trên với chủ đầu tư là Bà Huỳnh Kim P. Sau đó mọi việc chủ đầu tư và đơn vị thi công xây dựng hồ thang máy giải quyết như thế nào ông không rõ.

Theo bản tự khai của Ông Nguyễn Đình P1 là người làm chứng có nội dung: “Bà Huỳnh Kim P là chủ nhà số 1 Đường X, phường C, Thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh có nhờ ông phối hợp với bên thang máy kiểm tra công việc thi công của nhà thầu thi công – đại diện pháp luật là Ông Nguyễn Văn L, có đúng với hồ sơ thiết kế hay không.

Theo quan sát thực tế công trình, ông nhận thấy nhà thầu thi công không đúng như bản vẽ thiết kế kết cấu thang máy của đơn vị cung cấp lắp đặt máy. Việc thi công khác với thiết kế kết cấu thang máy không đảm bảo sự an toàn khi sử dụng. Vì thế bên thang máy không thể tiến hành lắp đặt theo hợp đồng đã ký với chủ nhà. Việc này có sự chứng kiến xác nhận của các bên liên quan gồm đại diện chủ nhà là bà P, ông và đại diện đơn vị cung cấp lắp đặt thang máy là ông A và đại diện nhà thầu thi công là ông L tại buổi làm việc ngày 27/4/2021 ở địa chỉ số 1 Đường X, phường C, Thành phố Đ. Bên thang máy có yêu cầu nhà thầu thi công phải thi công đúng như bản vẽ kết cấu do đơn vị cung cấp lắp đặt thang máy phát hành để đảm bảo an toàn trong quá trình sử dụng. Về chuyên môn ông thống nhất với bên quan

điểm của thang máy, ông xin cam đoan nội dung tường trình trên là sự thật và ông xin không tham gia phiên tòa tố tụng (nếu có) do ông hiện công tác xa tại dự án ở Phú Quốc”.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 1675/2022/DS-ST ngày 17/5/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử các phần yêu cầu gồm:

- Tiền công ông L phải trả cho người tới lui trông coi công trình kể từ ngày 08/02/2020 đến ngày 10/3/2020 là 01 tháng x 7.000.000 đ = 7.000.000 đ (Bảy triệu đồng).

- Tiền lương phải trả cho 02 người thợ chờ việc từ ngày 08/02/2020 đến ngày 24/02/2020 (trừ chủ nhật) là 13 ngày là 13 x 2 x 250.000 đ = 6.500.000 đ (Sáu triệu năm trăm ngàn đồng).

- Cát còn lại là 1m³, 1 x 350.000 đ = 350.000 đ (Ba trăm năm mươi ngàn đồng).

- Đá ½ còn 1m³, 1 x 450.000 đ = 450.000 đ (Bốn trăm năm mươi ngàn đồng).

- Xi măng còn 04 bao, 4 x 90.000 đ = 360.000 đ (Ba trăm sáu mươi ngàn đồng).

- Gạch ống, gạch đinh còn 1.600 viên, 1.600 viên x 1.000 đ = 1.600.000 đ (Một triệu sáu trăm ngàn đồng).

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc Ông Lê Minh H1, Bà Huỳnh Kim P phải có trách nhiệm trả cho Ông Nguyễn Văn L số tiền 47.000.000 đ (Bốn mươi bảy triệu đồng).

Thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi, của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 27/5/2022 bị đơn Bà Huỳnh Kim P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, lý do kháng cáo: bị đơn cho rằng cấp sơ thẩm chưa xem xét toàn bộ chứng cứ nên dẫn đến việc xét xử không khách quan, đề nghị cấp

Phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn Bà Huỳnh Kim P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.
- Bị đơn Ông Lê Minh H1 đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà P, ông H1 cho rằng mình không liên quan gì trong vụ án.
- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ông Nguyễn Duy H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa phúc thẩm có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến diễn biến phiên tòa phúc thẩm, các đương sự được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn Bà Huỳnh Kim P vì các lý do kháng cáo của bà P là không có cơ sở, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 1675/2022/DS-ST ngày 17/5/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của Bà Huỳnh Kim P nộp cho Tòa án trong thời hạn quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ông Nguyễn Duy H có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của nguyên đơn cho rằng cấp sơ thẩm chưa xem xét toàn bộ chứng cứ của vụ án, đề nghị cấp Phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình của hai bên đương sự có cơ sở xác định vào tháng 12/2019 Ông Nguyễn Văn L và Bà Huỳnh Kim P, Ông Lê Minh H1 có thỏa thuận miệng về việc thực hiện thi công công trình nhà ở của bà P tọa lạc tại số: 01 Đường X, Khu phố K, phường C, Thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi hai bên thống nhất việc thi công công trình ông L đã làm bản báo giá ngày 14/12/2019 và giao cho bà P, sau khi xem xét đơn dự toán bà P đồng ý nên bà P đã ký tên chấp nhận bản báo giá mà ông L đưa ra với số tiền là 107.085.000 đ (bút lục.58-60). Sau khi được sự đồng ý của bà P ông L thực hiện công việc vào ngày 16/12/2019, đến ngày 07/02/2020 bà P yêu cầu tạm ngưng công trình chờ giấy phép bổ sung sau đó sẽ tiếp tục làm lại, việc tạm ngưng hai bên có lập văn bản tạm ngưng thi công công trình ngày 08/02/2020.

Căn cứ vào văn bản tạm ngưng thi công công trình ngày 08/02/2020 có chữ ký xác nhận của bà P, giữa ông L và bà P đã chốt lại số tiền và công việc đã thực hiện, bà P cam kết sẽ giao cho ông L số tiền còn lại là 47.000.000đ (Bốn mươi bảy triệu) trong vòng 03(ba) ngày kể từ ngày ký văn bản tạm ngưng ngày 08/02/2020 (bút lục.32-33).

Như vậy với các căn cứ nêu trên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là đúng pháp luật.

Về ý kiến của bà P không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông L vì cho rằng thang máy mà ông L làm không đúng như trong bản thiết kế. Xét thấy trong suốt thời gian ông L thi công công trình nhà của bà P cho đến ngày 07/02/2020 ngưng thi công thì không có chứng cứ nào thể hiện việc ông L làm thang máy sai thiết kế. Tại cấp sơ thẩm đã ban hành Thông báo yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ vào ngày 09/12/2021 với nội dung yêu cầu ông H1, bà P phải thực hiện việc trưng cầu giám định kỹ thuật của thang máy do hai bên thỏa thuận thi công nhưng ông H1 và bà P không thực hiện việc trưng cầu giám định. Tại phiên tòa phúc thẩm bà P cũng không có chứng cứ nào khác thể hiện việc ông L làm sai thiết kế thang máy do đó ý kiến này của bà P không có cơ sở chấp nhận.

Về lời trình bày của Ông Lê Minh H1 cho rằng ông không liên quan trong vụ án, xét thấy: Căn cứ vào lời khai của ông L và bà P thể hiện khi các bên thỏa thuận sửa nhà có ông H1 tham gia; Ngoài ra theo bà P khai thì bà và ông H1 là vợ chồng, căn nhà số 01 Đường X, phường C, Thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của vợ chồng bà, việc sửa chữa căn nhà kéo dài từ tháng 12/2019 đến tháng 02/2020 nên không thể cho rằng ông H1 không biết có việc sửa chữa căn nhà và không liên quan. Tòa án cấp sơ

thẩm tuyên buộc ông H1 có trách nhiệm cùng bà P trả số tiền 47.000.000đ (Bốn mươi bảy triệu) cho ông L là có cơ sở.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, thu thập, đánh giá đúng và đầy đủ tài liệu, chứng cứ đối với vụ án; Bản án dân sự sơ thẩm số 1675/2022/DS-ST ngày 17/5/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng pháp luật; Nội dung kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm của bị đơn là không có căn cứ, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Bị đơn Bà Huỳnh Kim P là người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ vào các Điều 385, 388, 398, 401, 428, 429, 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 138 Luật xây dựng năm 2014;
- Căn cứ Nghị Định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 quy định chi tiết về Hợp đồng xây dựng;
- Căn cứ Nghị Định 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021;
- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Luật người cao tuổi năm 2009;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Bà Huỳnh Kim P; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 1675/2022/DS-ST ngày 17/5/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh;

Tuyên xử:

[1] Đình chỉ xét xử các phần yêu cầu gồm:

- Tiền công ông L phải trả cho người tới lui trông coi công trình kể từ ngày 08/02/2020 đến ngày 10/3/2020 là 01 tháng x 7.000.000 đ = 7.000.000 đ (Bảy triệu đồng).

- Tiền lương phải trả cho 02 người thợ chờ việc từ ngày 08/02/2020 đến ngày 24/02/2020 (trừ chủ nhật) là 13 ngày là 13 x 2 x 250.000 đ = 6.500.000 đ (Sáu triệu năm trăm ngàn đồng).

- Cát còn lại là 1m³, 1 x 350.000 đ = 350.000 đ (Ba trăm năm mươi ngàn đồng).

- Đá ½ còn 1m³, 1 x 450.000 đ = 450.000 đ (Bốn trăm năm mươi ngàn đồng).

- Xi măng còn 04 bao, 4 x 90.000 đ = 360.000 đ (Ba trăm sáu mươi ngàn đồng).

- Gạch ống, gạch đinh còn 1.600 viên, 1.600 viên x 1.000 đ = 1.600.000 đ (Một triệu sáu trăm ngàn đồng).

[2] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc Ông Lê Minh H1, Bà Huỳnh Kim P phải có trách nhiệm trả cho Ông Nguyễn Văn L số tiền 47.000.000 đ (Bốn mươi bảy triệu đồng). Thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi, của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí dân sự:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Minh H1, Bà Huỳnh Kim P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.350.000 đ (Hai triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng). Do Bà Huỳnh Kim P là người cao tuổi được miễn án phí theo quy định. Ông Lê Minh H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.175.000 đ (Một triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn đồng). Ông Nguyễn Văn L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí 1.581.500 đ (Một triệu năm trăm tám mươi một ngàn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0058661 ngày 01/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh cho Ông Nguyễn Văn L.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo Bà Huỳnh Kim P là người cao tuổi được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- TAND Tp.Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND Cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp.Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP.Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Tp.Thủ đức, TP.Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (20).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Anh Minh